

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2021

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN CÁC LƯU VỰC SÔNG VÙNG ĐÔNG NAM BỘ NĂM 2021
(Tuần từ ngày 19 tháng 11 năm 2021 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021)

Trong tuần qua các tỉnh vùng Đông Nam Bộ phổ biến mưa nhỏ, tổng lượng mưa phổ biến từ 20-50 mm, cục bộ vài nơi xuất hiện mưa to. Hiện tại, nguồn nước trong các hồ chứa thủy lợi trung bình đạt 76÷97% dung tích thiết kế. Vụ Mùa 2021, tổng diện tích gieo trồng trong công trình thủy lợi toàn vùng là khoảng 85.551 ha, trong đó diện tích lúa khoảng 38.452 ha.

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

a. Nhận xét tình hình mưa tuần qua

Lượng mưa trung bình tuần qua trên địa bàn các tỉnh vùng Đông Nam Bộ khoảng 43 mm, trong đó: tỉnh Bình Phước 78 mm, Tây Ninh 106 mm, Bình Dương 10 mm, Đồng Nai 21 mm, TP HCM 22 mm, Bà Rịa-Vũng Tàu 15 mm. Tổng lượng mưa từ đầu năm 2021 đến nay là 1880 mm, so sánh với cùng kỳ TBNN cho thấy các tỉnh phổ biến ở mức thấp hơn với trung bình khoảng 2,1%. Nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

Trong tuần qua, một số trạm xuất hiện mưa to đến rất to: Trạm Cần Đăng mưa to 62 mm ngày 13/11, trạm Đồng Ban mưa rất to ngày 14/11 với vũ lượng 141 mm, trạm Núi Bà mưa to 79 mm ngày 14/11, trạm Dầu Tiếng mưa to 58 mm ngày 17/11 (tỉnh Tây Ninh).

b. Đánh giá tình hình mưa trong giai đoạn tiếp theo

Theo dự báo mới nhất của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia (bản tin ngày 16/11/2021), dự báo hiện tượng ENSO trong trạng thái La Nina sẽ tiếp tục duy trì cường độ yếu cho đến hết năm 2021 với xác suất khoảng 80%; những tháng đầu năm 2022, nhiệt độ mặt nước biển có xu hướng tăng dần nhưng vẫn thấp hơn TBNN và ENSO vẫn trong trạng thái La Nina yếu. Từ khoảng tháng 4, tháng 5/2022, ENSO có khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính.

Lượng mưa dự báo: Từ tháng 12/2021, TLM phổ biến cao hơn từ 10-30% so với TBNN. Từ tháng 01 đến tháng 3/2022, TLM có xu hướng mưa cao hơn so với TBNN do có khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa. Tháng 4/2022, TLM phổ biến cao hơn

từ 10-30% so với TBNN. Tháng 5/2022, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Cụ thể lượng mưa tại một số trạm chính vùng Đông Nam Bộ được thống kê ở Bảng 1.1 dưới đây.

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa tuần, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Tỉnh, TP	Tuần qua (mm)	Từ đầu năm 2021 (mm)	So sánh từ đầu năm với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tuần tới (mm)
					TBNN	2020	2019	2018	2017	
1	Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	7	1216,20	- 20,4	- 34	- 33,6	- 1	- 35,3	11,81
2	Vũng Tàu		30,6	1239,30	- 13,1	- 9,7	+ 20,5	- 6	- 24,5	11,49
3	Xuyên Mộc		8,8	1531,80	+ 2,8	+ 17,8	- 6,1	+ 60,2	- 18,9	8,55
4	Bình Long	Bình Phước	69,2	2380,8	+ 19,1	+ 17,4	+ 36,0	+ 61,1	- 7,2	32,50
5	Bù Đăng		86	3032,4	+ 18,0	+ 44,2	+ 6,1	- 2,2	- 0,7	47,08
6	Bù Đốp		70,6	2477,8	+ 0,0	+ 30,5	+ 25,8	+ 88,2	+ 46,5	20,66
7	Đồng Xoài		117,9	2144,05	- 12,0	+ 13,5	- 39,3	- 8,6	- 15,8	47,65
8	Lộc Ninh		98	2316	+ 17,3	+ 59,7	+ 15,2	+ 17,3	- 33,8	25,98
9	Phước Long		44,4	1981,3	- 23,9	- 14,5	- 27,0	- 23,8	- 38,2	37,24
10	Biên Hòa	Đồng Nai	12,1	1803,6	+ 1,6	+ 12,7	- 6,2	+ 6,2	- 19,9	18,06
11	Long Thành		8,4	1518,4	- 17,5	- 17,7	- 11,6	+ 24,2	- 19,2	22,77
12	Tà Lài		71,8	2402,5	-5,51	- 2,0	+ 10,8	+ 18,9	- 10,7	37,16
13	Trị An		10,7	1977,1	+ 0,3	+ 33,8	- 1,8	+ 26,7	+ 9,8	21,61
14	Túc Trưng		21,6	1151,2	-43,00	- 40,3	- 51,5	- 6	- 36,3	21,14
15	Xuân Lộc		0	1717,3	-14,68	+ 10,5	+ 51,9	- 17,3	- 22,2	14,73
16	Nhà Bè	TP.HCM	20,6	1531,2	+ 2,5	- 10,6	+ 20	+ 10,5	- 16,6	21,11
17	Tân Sơn Hòa		42,2	1950,3	+ 5,0	- 4,1	+ 22	+ 0,8	- 25,2	30,63
18	Cần Đăng	Tây Ninh	127,6	1865,2	+ 5,3	+ 38,5	+ 43,2	+ 19,8	- 17,1	39,29
19	Dầu Tiếng		105	2308,1	+ 28,1	- 9,2	- 22,1	+ 25,6	+ 3,3	57,17
20	Đồng Bàn		171,6	1692,4	+ 0,4	+ 13,2	- 1,5	+ 36,4	- 11,4	43,79
21	Gò Dầu		28,7	1412,3	- 10,2	+ 9,6	- 27,0	- 7,7	- 22,2	30,16
22	Tây Ninh		114,8	2272	+ 21,7	+ 71,9	+ 33,9	+ 38,5	+ 12,0	38,98
23	Bến Cát	Bình Dương	10,8	1655,8	+ 0,5	+ 8,5	- 20,3	- 17,6	- 28,9	23,95
24	Sở Sao		5,2	1776,6	- 4,1	- 8,4	- 37,1	- 11,4	- 20,8	27,59
25	Phước Hòa		12,4	1711,4	- 10,8	+ 21,1	+ 3,0	+ 24,1	- 23,8	13,62
	Trung bình		51,8	1882,6	-2,1	10,1	0,1	14,3	-15,1	28,2

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

a. Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi:

Dung tích trữ hồ chứa thủy lợi hiện đạt từ 76 ÷ 97% DTTK, **tăng 1,7% so với tuần trước**. Cụ thể từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Đồng Nai: Tổng dung tích hiện tại đạt 79,9% (xấp xỉ so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại thấp hơn 3,41% so với năm 2020, cao hơn cùng kỳ năm 2019 là 8,83%, cao hơn 1,73% so với năm 2018 và xấp xỉ so với năm 2017.

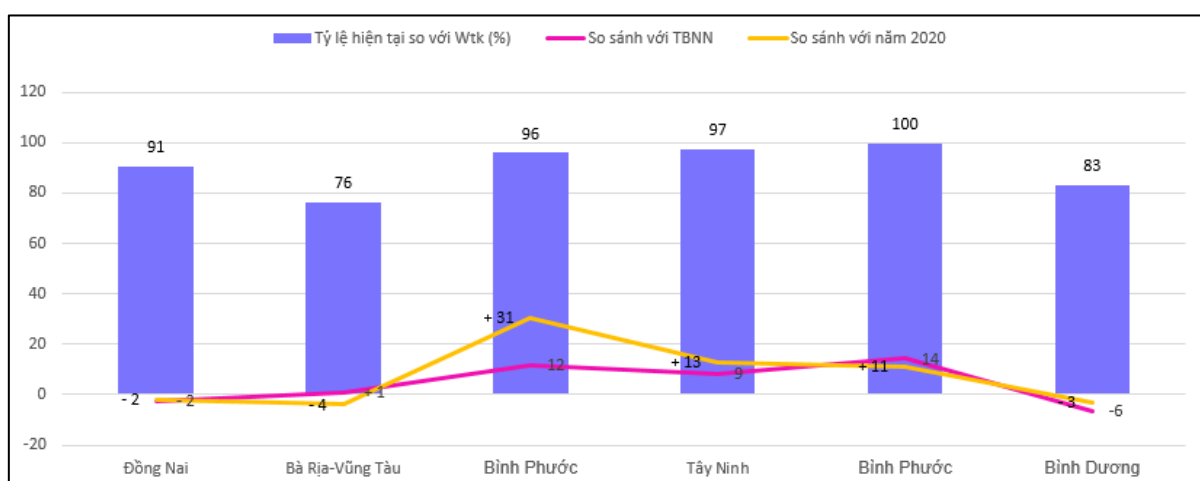
2. Lưu vực sông Sài Gòn: Tổng dung tích hiện tại đạt 97,3% DTTK (tăng 3,0% so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại cao hơn 12,67% so với năm 2020, cao hơn 7,61% so với năm 2019 và cao hơn năm 2018 là 18,7%.

3. Lưu vực sông Bé: Tổng dung tích hiện tại đạt 95,93% (giảm 3,56% so với tuần trước) Tỷ lệ dung tích hiện tại cao hơn năm 2020 là 30,71%, cao hơn 10,24% so với năm 2019 và xấp xỉ so với năm 2018.

Chi tiết nguồn nước trong các hồ chứa xem phụ lục đi kèm, tổng hợp xem trong Bảng 1.2 như sau:

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Tỉnh	Lưu vực sông	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)		Tỷ lệ hiện tại so với Wtk (%)	Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ các năm (+/-)					Dự báo tuần tới (+/-%)
			Thiết kế	Hiện tại		TBNN	2020	2019	2018	2017	
Tổng/TB			2220,82	2092,13	94,21	+ 4,5	+ 7,6	+ 5,1	+ 4,8	- 2,4	
1	Đồng Nai	Đồng Nai	91,28	82,76	90,66	- 2,3	- 2,0	- 3,7	+ 1,6	- 7,4	- 1,0
2	Bà Rịa-Vũng Tàu		284,16	217,14	76,42	+ 0,9	- 3,9	+ 14,5	+ 1,8	+ 2,7	- 1,5
3	Bình Phước	Bé	224,34	215,21	95,93	+ 11,9	+ 30,7	+ 10,2	+ 0,6	- 3,5	- 2,7
4	Tây Ninh	Sài Gòn	1604,27	1561,61	97,34	+ 8,5	+ 12,8	+ 7,7	+18,9	+ 3,9	- 1,8
5	Bình Phước		8,78	8,75	99,65	+ 14,3	+ 11,3	+ 2,9	+12,7	+ 4,3	-
6	Bình Dương		7,99	6,66	83,29	- 6,3	- 3,3	- 0,8	- 6,7	-14,6	+ 1,4



Hình 1. Tỷ lệ dung tích hiện tại và so sánh với cùng kỳ các năm

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Vụ Mùa 2021, tổng diện tích gieo trồng trong công trình thủy lợi toàn vùng là **85.551 ha** (38.452 ha lúa, 46.260 ha các loại rau màu, cây lâu năm, 839 ha thủy sản). Với tình hình nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi hiện tại và dự báo mưa trong thời gian vụ Mùa 2021, nhìn chung toàn vùng đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất. Cụ thể tại từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu): Tổng diện tích gieo trồng đối với 21 hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai là 7.756 ha (lúa 4.969 ha, Rau màu 741 ha, cây lâu năm 1.682 ha và thủy sản 364 ha). Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 21/21 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích.

2. Lưu vực sông Sài Gòn (tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Dương): Tổng diện tích gieo trồng của 10 hồ chứa là 75.637 ha (lúa 32.843 ha, rau màu 11.632 ha, cây lâu năm 30.715 ha và thủy sản 447 ha). Kết quả tính toán cân bằng nước dựa vào nguồn nước hiện có tại các công trình thủy lợi cho thấy: 10/10 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới.

3. Lưu vực sông Bé (tỉnh Bình Phước): Tổng diện tích gieo trồng với 17 hồ chứa là 2.158 ha (lúa 640 ha, rau màu 95 ha, cây lâu năm 1.395 ha và thủy sản 28 ha). Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 17/17 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích.

Kết quả kế hoạch sử dụng nước và chi tiết khả năng cấp nước các công trình xem phụ lục kèm theo, tổng hợp theo lưu vực sông và theo các tỉnh trong vùng xem Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

TT	Tỉnh	Lưu vực sông và phụ cận	Dung tích hiện tại (triệu m ³)	Diện tích sản xuất (ha)	Dung tích đến cuối vụ (triệu m ³)	Kế hoạch sử dụng nước		Khuyến cáo đến cuối vụ
						Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Tổng cộng			2092,13	85.551	2040,94	100	85.551	
1	Đồng Nai	Đồng Nai	82,76	1.543	88,94	100	1.543	Đủ nước
2	Bà Rịa-Vũng Tàu		217,14	6.213	246,32	100	6.213	Đủ nước
3	Bình Phước	Bé	215,21	2.158	180,49	100	2.158	Đủ nước
4	Tây Ninh	Sài Gòn	1561,61	74.983	1509,65	100	74.983	Đủ nước
5	Bình Phước		8,75	527	8,78	100	527	Đủ nước
6	Bình Dương		6,66	127	6,75	100	127	Đủ nước

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Lượng mưa lũy tích trung bình tại các trạm chính trên địa bàn các tỉnh vùng Đông Nam Bộ từ tháng 1/2021 và mưa dự báo hết tuần sau nhìn chung phổ biến ở mức thấp hơn 5,6% so với TBNN. Khu vực đang trong mùa mưa nên nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu nước ở mức thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân cần sử dụng nước tiết kiệm và phân phối hợp lý để bảo đảm đủ cung cấp cho vụ Mùa 2021 và cả vụ Đông Xuân 2021-2022, đặc biệt là các công trình thủy lợi nhỏ, vùng ngoài công trình thủy lợi phụ trách tưới.

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn

Trạm	Tỉnh/TP	Vùng, huyện	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Cảnh báo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
Dầu Tiếng	Tây Ninh	Tân Hà – Tân Châu	2.365	79	32	-20	Rủi ro hạn thấp
		Thanh Đức – Gò Dầu					
		Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
		Gia Lộc – Trảng Bàng					
Tây Ninh		Thanh Bắc – Tân Biên	2.311	69	22	-5	Rủi ro hạn thấp
Đông Xoài		Đông Tâm – Đông Phú	2.192	29	-11	-38	Rủi ro hạn thấp
		Minh Hưng – Chơn Thành					
Phước Long	Bình Phước	Đăk Nheu – Bù Đăng	2.019	58	-23	-40	Rủi ro hạn thấp
		Đăk Ô – Bù Gia Mập					
		Sơn Giang – Phước Long					
		Long Hà – Phú Riềng					
		Đakia – Bù Đốp					
Long Thành		Bình Sơn, Bình An, Bàu Cạn – Long Thành	1.541	28	-17	-35	Rủi ro hạn thấp
Tà Lài	Đồng Nai	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cửu	2.440	43	-5	-28	Rủi ro hạn thấp
		Phú Xuân – Tân Phú					
Trị An		Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	1.999	41	0	-24	Rủi ro hạn thấp
Túc Trưng		Xuân Thiện, Quang Trung – Thống Nhất	1.172	-8	-43	-56	Rủi ro hạn thấp

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Tổng diện tích sản xuất trong công trình thủy lợi vụ Mùa 2021 trên các lưu vực sông vùng Đông Nam Bộ khoảng **85.551 ha**. Nguồn nước tại 48/48 hồ chứa trên lưu vực vùng Đông Nam Bộ có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế.

Hiện tại, khu vực đang trong mùa mưa lũ, cần đề phòng tình trạng ngập lụt nếu có mưa lớn xảy ra, khi hồ chứa thượng lưu xả lũ, triều cường... *Đặc biệt ở các khu vực: vùng dọc sông Sài Gòn đoạn qua tỉnh Bình Dương, TP HCM (khu vực hạ du hồ Dầu Tiếng), vùng ven sông Đồng Nai đoạn chảy qua địa bàn huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu (tỉnh Đồng Nai), khu vực hạ du sông Buông đoạn qua huyện Trảng Bom và TP Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai), sông Thị Tinh đoạn qua phường Mỹ Phước (TX Bến Cát,*

tỉnh Bình Dương), khu vực ven Suối Rạt (TP Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

Mặt khác, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Mùa 2021 và cả vụ Đông Xuân 2021-2022, kiến nghị một số nội dung sau:

(1) Các địa phương cần theo dõi chặt chẽ các bản tin Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trên các lưu vực sông vùng Đông Nam Bộ của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để có giải pháp ứng phó kịp thời;

(2) Xây dựng phương án phòng, chống lũ, ngập lụt, úng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, phương án cần có đủ các kịch bản bất lợi và giải pháp ứng phó cụ thể. Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ. Đề phòng ngập úng cục bộ do mưa, bảo đảm chủ động ứng phó, bảo vệ diện tích sản xuất nông nghiệp;

(3) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo;

(4) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 26/11/2021 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG